

Bản án số: 266/2022/HSST

Ngày: 14-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Thẩm phán: Bà Phạm Uyên Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Nam

Ông Phạm Văn Thanh

Ông Tạ Quang Việt

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Trần Quang Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 298/2022/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1965/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Huỳnh Thanh S; Sinh ngày 01/10/1986 tại tỉnh Đồng Nai; Thường trú: 24 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế S; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Thành L và bà Vương H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 05/10/2020 - Có mặt.

Người bào chữa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu là luật sư của Công ty luật Kỳ Việt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Trần Ngọc Danh là luật sư của Văn phòng luật sư Danh Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo - Có mặt.

Bị hại:

1/Ông Viên Kiến T; Sinh năm 1970.

Trú tại: 186C L, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh- Có mặt.

2/Ông Nguyễn Xuân D; Sinh năm 1964

Trú tại: 292 Đ, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân D:

Ông Đỗ Đức K; Sinh năm 1995.

Trú tại: 246/14A10 X, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 07/3/2022 lập tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan*)- Có mặt.

Ông Lê Duy A; Sinh năm 1990.

Trú tại: 16 T, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (*Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 07/3/2022 lập tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan*) – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Hồ Thoại N; Sinh năm 1976.

Trú tại: Số 3 đường số 6 khu dân cư V, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

2/Ông Vũ Văn H, Sinh năm 1968.

Trú tại: 115/3 V, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

3/Ông Tiên Quốc T, Sinh năm 1972.

Trú tại: 19 đường 5A, cư xá B, Phường E, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

4/Ông Lưu Phước V, Sinh năm 1973.

Trú tại: 86 T, Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

5/Bà Sầm Hoa M, Sinh năm 1995.

Trú tại: 65/13 C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

6/Ông Huỳnh Lê H, Sinh năm 1991

Trú tại: 13 M, Phường M, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

7/Bà Vương H, Sinh năm 1961.

Trú tại: 0014 Chung cư Đ, Block A1, đường C, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thanh S quen biết với ông Viên Kiến T vào năm 2017, thông qua bà Hồ Thoại N, S tự giới thiệu là Phó khoa Công nghệ thông tin của trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh và hiện cùng với các cộng tác viên đang viết phần mềm cảm biến vân tay cho Công ty Apple của Mỹ tại Việt Nam, S nói

mỗi hợp đồng viết phần mềm thu lợi nhuận khoảng 70% giá trị hợp đồng, nếu ông T góp vốn đầu tư sẽ được hưởng lợi 30% trong số 70% tiền lời khi hoàn thành hợp đồng.

Để tạo lòng tin với ông T, S đã lên mạng internet đặt của một đối tượng (chưa rõ lai lịch) làm giả con dấu của Công ty TNHH Apple Việt Nam và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó S tự soạn thảo nội dung Hợp đồng gia công phần mềm giữa ông Peeter Ronanld Denwood, Giám đốc Công ty TNHH Apple Việt Nam với ông Huỳnh Thanh S, Phó Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 500.000 USD, rồi sử dụng con dấu đã đặt làm giả đóng dấu lên bản hợp đồng để đưa cho ông T xem. Sau khi xem hợp đồng ông T tin tưởng và thống nhất hợp tác thực hiện dự án, chi phí thực hiện dự án là 3.390.000.000 đồng, trong đó ông Viên Kiến T góp 1.695.000.000 đồng và sẽ nhận được 1.977.500.000 đồng tiền lợi nhuận và 904.000.000 đồng tiền phí bảo trì phần mềm. Từ ngày 07/02/2018 đến ngày 09/3/2018, ông Viên Kiến T đã chuyển tổng số tiền 1.139.953.815 đồng vào số tài khoản 80563329 mang tên Huỳnh Thanh S mở tại Ngân hàng Vpbank.

Ngày 28/3/2018, Huỳnh Thanh S thành lập Công ty Cổ phần Quốc tế S, địa chỉ tầng 09 Tòa nhà Sài Gòn Paragon số 3 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận G. Sau đó S hợp thức hóa việc góp vốn để thực hiện dự án trên với ông T bằng Hợp đồng hợp tác số 070418/HDHT ngày 07/4/2018, thời gian thực hiện hợp đồng từ 05/3/2018 đến ngày 05/3/2019. Sau khi ký hợp đồng hợp tác kinh doanh trên, ông T đã chuyển 555.000.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mang tên Huỳnh Thanh S, mở tại Ngân hàng Sacombank. Tổng số tiền mà S nhận của ông T là 1.694.953.815 đồng.

Sau khi thành lập Công ty Cổ phần Quốc tế S, Huỳnh Thanh S tiếp tục đặt mua trên mạng 09 con dấu với giá 500.000 đồng/1 con dấu của các cơ quan tổ chức gồm: Con dấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tổng Công ty may Đồng Nai; Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn; Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH MTV Thức ăn thủy sản Mê Kông; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Phát Tiến; Công ty CP DVTM Việt Nam trực tuyến; Công ty Tài chính TNHH HD Sài Gòn và Công ty Cổ phần vận tải Sài Gòn. Đồng thời, S tiếp tục tự soạn các hợp đồng gia công phần mềm giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S với các cơ quan, tổ chức trên rồi sử dụng con dấu đã đặt đóng vào các hợp đồng đưa cho ông Viên Kiến T, ông Nguyễn Xuân D (bạn ông T) và bà Hồ Thoại N xem với mục đích làm cho ông T, ông D và bà Nghi tin tưởng ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh và chuyển tiền cho S để chiếm đoạt cụ thể:

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc gia công phần mềm Công chứng Online, trị giá 300.000 USD. Ngày 07/4/2018, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S và ông Viên Kiến T ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 040720/HDHT. Trong đó ông T đóng góp số tiền 1.017.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 1.186.000.000,

tiền phí bảo trì được hưởng là 542.000.000 đồng, ông T đã chuyển số tiền 1.017.000.000 đồng vào Tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc gia công phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội trị giá 300.000 USD. Ngày 10/4/2018, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S và bà Hồ Thoại N ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0503/HDHT. Trong đó bà Nghi góp số tiền 1.017.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 1.186.000.000, tiền, phí bảo trì được hưởng là 542.000.000 đồng, bà Nghi đã chuyển số tiền 1.017.000.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty cổ phần tổng công ty may Đồng Nai, về việc gia công phần mềm SAP Business One (SAP BI) trị giá 900.000 USD. Ngày 08/5/2018, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S và ông Viên Kiến T ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 050508/HDHT. Trong đó ông Viên Kiến T góp số tiền 6.102.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 5.695.200.000, tiền phí bảo trì được hưởng là 5.207.000.000 đồng, ông T đã chuyển số tiền 6.277.000.000 đồng vào tài khoản số 060179277967, mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S. Tiếp đó, ngày 21/9/2018, Huỳnh Thanh S ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 007210908/HDHT với ông Viên Kiến T về việc tiếp tục hợp tác phần yêu cầu thêm của dự án phần mềm SAP Business One (SAP BI) với Công ty cổ phần Tổng Công ty may Đồng Nai là 400.000 USD. Trong đó ông Viên Kiến T đóng góp số tiền 120.000 USD, lợi nhuận được hưởng là 112.000 USD, phí bảo trì phần mềm được hưởng là 102.000 USD, ông T đã chuyển số tiền 2.802.142.500 đồng vào tài khoản trên cho Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn, về việc gia công phần mềm SAP Business One (SAP BI), trị giá 700.000 USD. Ngày 14/9/2018, Huỳnh Thanh S, đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 140918/ HDHT với ông Viên Kiến T. Trong đó ông T đóng góp 210.000 USD, lợi nhuận được hưởng là 196.000 USD, phí bảo trì phần mềm được hưởng là 179.200 USD, ông T đã chuyển số tiền 4.903.500.000 đồng vào tài khoản số 060179277967, mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh, về việc sử dụng dịch vụ triển khai nghiệp vụ trị giá 500.000 USD. Ngày 21/9/2019, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S ký hợp đồng với ông Viên Kiến T. Trong đó ông T góp 150.000 USD, lợi nhuận được hưởng là 140.000 USD, phí bảo trì phần mềm được hưởng là 128.000 USD, ông T đã chuyển số tiền 3.520.250.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong, về việc gia công phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp trị giá 400.000 USD. Ngày 08/12/2018, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S ký hợp đồng hợp tác với ông Viên Kiến T. Trong đó ông Viên Kiến T góp 120.000 USD, lợi nhuận được hưởng là 112.000 USD, tiền phí bảo trì phần mềm được hưởng là 102.000 USD, ông T đã chuyển số tiền 2.332.600.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Phát Tiến, về việc gia công phần mềm quản lý chuỗi cửa hàng xe máy trị giá 300.000 USD. Ngày 17/12/2018, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S ký hợp đồng hợp tác số 0100171218/HDHT với ông Viên Kiến T. Trong đó ông Viên Kiến T góp 210.000 USD, lợi nhuận được hưởng là 84.000 USD, tiền phí bảo trì phần mềm được hưởng là 76.800 USD, ông T đã chuyển số tiền 1.398.300.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty cổ phần dịch vụ Thương mại Việt Nam Trục Tuyến, về việc gia công phần mềm quản lý chuyến đi quốc tế trị giá 25.000.000.000 đồng. Ngày 08/4/2019, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S ký hợp đồng hợp tác số 0804/HDHT với ông Viên Kiến T và ông Nguyễn Xuân D. Trong đó ông T và ông D mỗi người góp 3.750.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 5.250.000.000 đồng. Ông T đã chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Huỳnh Thanh S và D chuyển số tiền 3.750.000.000 đồng vào tài khoản số 0181 00357 2916 mở tại Ngân hàng Vietcombank của Công ty cổ phần Quốc tế S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON, về việc gia công phần mềm quản lý tài chính trị giá 40.000.000.000 đồng. Ngày 06/5/2019, Huỳnh Thanh S đại diện Công ty cổ phần Quốc tế S ký hợp đồng hợp tác số 0506/HDHT với ông Viên Kiến T. Trong đó ông T góp số tiền 12.000.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 11.200.000.000 đồng, phí bảo trì phần mềm được hưởng là 10.240.000.000 đồng, ông T đã chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản số 060179277967 mở tại Ngân hàng VPBank mang tên Huỳnh Thanh S.

- Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S và Công ty cổ phần Vận tải Sài Gòn, về việc gia công phần mềm trị giá 35.000.000.000 đồng. Ngày 22/5/2019, Huỳnh Thanh S ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với ông Viên Kiến T về việc hợp tác gia công phần mềm. Trong đó ông T góp số tiền 10.500.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 9.800.000.000 đồng, tiền phí bảo trì phần mềm sau khi hoàn thành hợp đồng được hưởng là 8.960.000.000 đồng, ông T không chuyển tiền cho Huỳnh Thanh S để thực hiện hợp đồng này mà

khấu trừ số tiền 7.000.000.000 đồng vào số tiền mà Huỳnh Thanh S sẽ trả cho Viên Kiến T đối với các hợp đồng hợp tác đến hạn thanh toán.

Tổng số tiền mà Huỳnh Thanh S nhận được từ việc hợp tác thực hiện các hợp đồng gia công phần mềm không có thật từ ông Viên Kiến T là 29.195.746.315 đồng, từ ông Nguyễn Xuân D là 3.750.000.000 đồng và từ bà Hồ Thoại N là 1.017.000.000 đồng

Ngày 10/02/2019, Huỳnh Thanh S ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 070418/HDHT ngày 07/4/2018 về việc gia công phần mềm nhận dạng vân tay dưới màn hình OLED cho Công ty TNHH Apple Việt Nam với ông Viên Kiến T và chuyển cho ông T số tiền 3.672.500.000 đồng. Đến ngày 03/5/2019, Huỳnh Thanh S chuyển tiếp số tiền 4.057.650.000 cho ông T để tất toán hợp đồng hợp tác gia công phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội, hợp đồng hợp tác gia công phần mềm công chứng Online cho Cục Công nghệ thông tin Bộ Giáo dục và Đào tạo với bà Hồ Thoại N và ông Viên Kiến T. Trong đó số tiền S trả cho bà Hồ Thoại N là 2.203.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 6/2019 khi đến hạn thanh toán một số hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng không thấy S thanh toán, khi kiểm tra lại các hợp đồng gia công phần mềm, ông D và ông T phát hiện hợp đồng gia công phần mềm cho các cơ quan, tổ chức mà S đưa cho ông D, ông T xem là giả nên yêu cầu S trả lại tiền, S đã trả cho ông T 8.259.420.000 đồng. Sau đó S bỏ trốn nên ngày 03/9/2019, ông T đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an. Tổng số tiền mà S chiếm đoạt của ông Viên Kiến T là 14.409.636.315 đồng và của ông Nguyễn Xuân D là 3.750.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1405 ngày 26/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận các hợp đồng và hình con dấu thu giữ của Huỳnh Thanh S như sau:

- Chữ ký đứng tên Huỳnh Thanh S trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của Huỳnh Thanh S trên các tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký tên Phùng Xuân Nhạ trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của Phùng Xuân Nhạ trên các tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SÀI GÒN; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÁT TIẾN; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỨC ĂN THỦY SẢN MEKONG; CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI; CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HD SAIGON; CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRỰC TUYẾN; CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN; BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Kết luận giám định số 3682 ngày 14/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SÀI GÒN; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÁT TIẾN; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỨC ĂN THỦY SẢN MEKONG; CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI; CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HD SAIGON; CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRỰC TUYẾN; CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN; BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định được đóng trực tiếp.

Tại Bản cáo trạng số: 387/CT-VKS-P2 ngày 23 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Thanh S về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” và tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai số tiền chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo dùng để tất toán ngược các hợp đồng hợp tác đầu tư đến hạn thanh toán của bị hại để bị hại tin tưởng, tiếp tục chuyển tiền, một phần tiền dùng để duy trì hoạt động của Công ty Cổ phần Quốc tế SSK và phần tiền còn lại đã tiêu xài cá nhân hết, hiện tại bị cáo không có khả năng bồi thường cho các bị hại T, D.

Bị hại Viên Kiến T đề nghị buộc bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 14.235.001.315 đồng. Bị hại Nguyễn Xuân D đề nghị bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 3.750.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thoại N trình bày: Liên quan hợp đồng hợp tác kinh doanh 0503/HDHT ngày 10/4/2018 gia công phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội của Chính Phủ, bị cáo đã chuyển trả số tiền gốc 1.017.000.000 đồng và tiền lợi nhuận 1.011.825.000 đồng. Ngoài ra từ ngày 15/3/2019 đến ngày 22/7/2019 S nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản nêu trên của bà Nghi số tiền 205.000.000 đồng là tiền S cảm ơn bà Nghi đã giới thiệu ông T cho S. Do biết số tiền trên là của S chiếm đoạt của bị hại trong vụ án nên bà Nghi đồng ý nộp lại số tiền 1.216.825.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Phước V đề nghị xử lý bị cáo về hành vi chiếm đoạt số tiền đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quốc tế S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Huỳnh Thanh S về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh S từ 16 năm đến 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là từ 19 năm đến 22 năm tù.

Về dân sự đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền như bị hại yêu cầu.

Đối với vật chứng và các vấn đề khác đề nghị xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Huỳnh Thanh S không tự bào chữa và không tham gia tranh luận

Luật sư Trần Ngọc Danh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh S trình bày: Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật đã truy tố đối với bị cáo. Về biện pháp khắc phục hậu quả đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hồ Thoại N nộp lại số tiền 1.216.825.000 đồng để trả lại cho bị hại Viên Kiến T. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; bị cáo đã tác động gia đình để chuyển nhượng phần đất tại huyện Đức Hòa, Long An để khắc phục hậu quả cho bị hại nhưng chưa thực hiện được do điều kiện khách quan; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt theo khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tranh luận với luật sư: Đối với số tiền bị cáo đã hoàn trả cho bị hại T, Viện kiểm sát không xác định là thiệt hại của vụ án. Tính đến thời điểm xét xử bị cáo chưa bồi thường cho ông T và ông D nên không có cơ sở xem xét tình tiết bồi thường, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với tình tiết tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng là không có căn cứ áp dụng. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội và mức hình phạt đã đề nghị.

Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiên Quốc T đề nghị xử lý bị cáo về hành vi chiếm đoạt số tiền góp vốn 700.000.000 đồng khi thành lập Công ty Cổ phần Quốc tế S. Buộc bị cáo bồi thường số tiền 700.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; phù hợp với nội dung của Kết luận giám định, kết quả sao kê ngân hàng tài khoản của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Huỳnh Thanh S đã có hành vi tìm, mua của đối tượng không rõ lai lịch các con dấu giả của Công ty TNHH Apple Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Sài Gòn, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Phát Tiến, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thức ăn Thủy sản Mekong, Công ty Cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SaiGon, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam trực tuyến, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Bộ Giáo dục Đào tạo, rồi dùng pháp nhân Công ty Cổ phần Quốc tế S do S thành lập, soạn thảo các hợp đồng kinh tế về việc gia công phần mềm với các pháp nhân nêu trên, ký giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu con dấu giả mà S đã đặt mua lên các hợp đồng. Sau đó S dùng các hợp đồng kinh tế giả nêu trên để gian dối với ông Viên Kiến T, bà Hồ Thoại N, ông Nguyễn Xuân D, làm các bị hại tin tưởng bị cáo là người có năng lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đang thực hiện việc gia công nhiều dự án các phần mềm với cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp lớn, có uy tín trên thị trường; các dự án đều có số vốn đầu tư lớn, tỷ suất lợi nhuận cao, để các bị hại tin tưởng ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh và chuyển tiền cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt. Cụ thể:

Đối với bị hại Viên Kiến T, Huỳnh Thanh S ký 10 hợp đồng hợp tác kinh doanh gồm: ¹Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 070418/HDHT ngày 07/4/2018 gia công phần mềm vận tay với Công ty TNHH Apple Việt Nam, ông T đã

chuyển cho bị cáo số tiền 1.694.953.815 đồng; ²Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 040720/HDHT ngày 07/4/2018 gia công phần mềm Công chứng Online của Chính Phủ, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 1.017.000.000 đồng; ³Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 050508/HDHT ngày 08/5/2018, gia công phần mềm SAP B1 với Công ty Cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 6.277.000.000 đồng; ⁴Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 007210908/HDHT ngày 14/9/2018, gia công phần mềm SAP B1 với Công ty Cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai, giai đoạn 2, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 2.802.142.500 đồng; ⁵Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 140918/HDHT ngày 14/9/2018, gia công phần mềm SAP B1 với Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 4.903.500.000 đồng; ⁶Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 008210908/HDHT ngày 21/9/2018, gia công phần mềm một cửa với Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 3.520.250.000 đồng; ⁷Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 009081218 ngày 08/12/2018, gia công phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp với Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy Sản MeKong, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 2.332.600.000 đồng; ⁸Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0100171218/HDHT ngày 17/12/2018, gia công phần mềm quản lý chuỗi cửa hàng xe máy với Công ty TNHH TMDV Phát Tiến, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 1.398.300.000 đồng; ⁹Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0804/HDHT ngày 08/4/2019, gia công phần mềm quản lý chuyến đi quốc tế với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam trực tuyến, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 1.250.000.000 đồng; ¹⁰Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0506/HDHT ngày 06/5/2019 gia công phần mềm quản lý tài chính với Công ty Tài Chính TNHH HD Sài Gòn, ông T đã chuyển cho bị cáo số tiền 4.000.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T đã chuyển cho bị cáo để thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh là 29.195.746.315 đồng. Từ ngày 10/02/2019 đến ngày 09/7/2019, Huỳnh Thanh S đã nhiều lần chuyển tiền cho ông T để tắt toán hợp đồng hợp tác kinh doanh gia công phần mềm với Công ty TNHH Apple Việt Nam, Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai và Bộ Giáo dục Đào Tạo số tiền 14.960.745.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo chưa hoàn trả cho bị hại T là 14.235.001.315 đồng.

Đối với bà Hồ Thoại N, Huỳnh Thanh S ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0503/HDHT ngày 10/4/2018, gia công phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội Chính Phủ với Bộ giáo dục Đào Tạo, bà Nghi đã chuyển cho bị cáo số tiền 1.017.000.000 đồng. Ngày 03/5/2019, Huỳnh Thanh S chuyển khoản số tiền 4.057.650.000 đồng cho ông T, trong đó có số tiền 2.028.825.000 đồng S tắt toán hợp đồng hợp tác 0503/HDHT ngày 10/4/2018 với bà Nghi. Ông T đã chuyển lại số tiền trên cho bà Nghi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nghi xác nhận đã nhận lại số tiền 2.028.825.000 đồng S thanh toán hợp đồng từ ông T.

Đối với ông Nguyễn Xuân D, Huỳnh Thanh S ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0804/HDHT ngày 08/4/2018, gia công phần mềm quản lý chuyến đi

quốc tế với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam trực tuyến, ông D đã chuyển cho S số tiền 3.750.000.000 đồng. Số tiền này S chưa hoàn trả cho ông D.

Tại bản kết luận giám định số 1405/KLGD-TT ngày 29/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận các hợp đồng và hình con dấu thu giữ của Huỳnh Thanh S, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chữ ký tên Huỳnh Thanh S trên các hợp đồng kinh tế, hợp đồng gia công phần mềm, hợp đồng hợp tác kinh doanh là chữ ký của bị cáo Huỳnh Thanh S. Chữ ký tên Phùng Xuân Nhạ trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Phùng Xuân Nhạ trên các tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung Công ty Cổ phần vận tải Sài Gòn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Phát Tiến, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thức ăn Thủy sản Mekong, Công ty Cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai, Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn HD Sài Gòn, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam trực tuyến, công ty cổ phần Cảng Sài Gòn, Bộ giáo dục và đào tạo trên các tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Huỳnh Thanh S đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 174 và Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Đối với hành vi bị cáo S lên mạng tìm hiểu thông tin về người đại diện của Công ty TNHH Apple Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Sài Gòn, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Phát Tiến, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thức ăn Thủy sản Mekong, Công ty Cổ phần Tổng công ty May Đồng Nai, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SaiGon, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam trực tuyến, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Bộ Giáo dục Đào tạo; tự tìm và tải về các hợp đồng kinh tế mẫu, soạn thảo các hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty Cổ phần Quốc tế S với các cơ quan, tổ chức nêu trên, ký giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu con dấu giả mà bị cáo đã đặt mua lên các hợp đồng kinh tế. Sau đó, bị cáo sử dụng các hợp đồng kinh tế này đưa cho các bị hại xem để các bị hại tin tưởng và ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh, chuyển tiền cho bị cáo để chiếm đoạt là có dấu hiệu của tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 115/2022/HSST-QĐ ngày 05/4/2022 yêu cầu Viện kiểm sát làm rõ. Tuy nhiên tại văn bản số 104/VKS-P2 ngày 19/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hoàn lại hồ sơ vụ án xác định các hợp đồng gia công phần mềm mà S soạn thảo và ký kết là đứng tên công ty của S, không phải của cơ quan, tổ chức nào. Do vậy, không có căn cứ xác định Huỳnh Thanh S có hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ xét xử bị cáo theo nội dung, điều khoản và tội danh mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Đối với việc xác định thiệt hại của vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có hành vi làm giả các hợp đồng kinh tế với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp lớn sau đó dùng hợp đồng giả để gian dối các bị hại, làm các bị hại tin tưởng giao kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh rồi chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 33.962.746.315 đồng. Tuy nhiên, trước khi các bị hại phát hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã chuyển trả số tiền 16.989.570.000 đồng cho ông T và bà Nghi. Số tiền còn lại, bị cáo không có khả năng thanh toán nên bị hại Viên Kiến T mới có đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an. Do đó, việc bản cáo trạng xác định ông Viên Kiến T, ông Nguyễn Xuân D và bà Hồ Thoại N chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 33.962.746.315 đồng nhưng chỉ xác định bị cáo chiếm đoạt của bị hại Viên Kiến T, bị hại Nguyễn Xuân D số tiền 17.985.001.315 đồng là có lợi cho bị cáo Huỳnh Thanh S. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định thiệt hại của vụ án là số tiền 17.985.001.315 đồng như kết luận của Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến tính đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính về con dấu; ảnh hưởng xấu đến uy tín và hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức; gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi giả chữ ký và sử dụng con dấu giả trên các hợp đồng kinh tế là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi bị cáo vẫn lợi dụng lòng tin, sự thiếu hiểu biết của bị hại trong lĩnh vực công nghệ thông tin để thực hiện thủ đoạn lập, giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh giả công phần mềm công nghệ thông tin rồi chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 17.985.001.315 đồng thuộc trường hợp “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và trường hợp “*sử dụng con dấu giả thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo lập nhiều hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhiều bị hại, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nhiều lần, mỗi lần chiếm đoạt đều trên mức định khung cơ bản quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại Viên Kiến T, Nguyễn Xuân D và tình tiết thành khẩn khai báo đã được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng nên không có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của vị luật sư bào chữa về việc áp dụng điểm b, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo S.

[8] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, căn cứ quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh.

[9] Về dân sự: Bị hại Viên Kiến T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 14.235.001.315 đồng; đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Xuân D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 3.750.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền chiếm đoạt như các bị hại đã yêu cầu. Xét thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại như các bị hại đã yêu cầu.

Đối với yêu cầu của ông Tiên Quốc T và Lưu Phước V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quốc tế S. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông T, ông V góp vốn thành lập doanh nghiệp với bị cáo S được điều chỉnh bởi các quy định của Luật Doanh nghiệp. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ truy tố bị cáo S về hành vi sử dụng con dấu giả chiếm đoạt tài sản của các bị hại Viên Kiến T, Nguyễn Xuân D. Do đó, căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử không xem xét giao dịch góp vốn thành lập doanh nghiệp giữa ông T với bị cáo S. Nếu các bên có yêu cầu sẽ thực hiện việc khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết trong vụ việc khác theo quy định.

Đối với số tiền 1.011.825.000 đồng là tiền lợi nhuận khi tất toán hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0503/HDHT ngày 10/4/2018 mà bị cáo S đã chuyển trả cho bà Hồ Thoại N và số tiền 205.000.000 đồng S chuyển vào tài khoản 0511000439391 của bà Nghi tại Chi nhánh Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh là tiền bị cáo S trả cho bà Nghi khi giới thiệu bị hại T là tiền có nguồn gốc từ tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Viên Kiến T. Tại phiên tòa bà Nghi đồng ý nộp lại số tiền 1.216.825.000 đồng để trả lại cho bị hại T. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bà Nghi nộp lại số tiền trên để trả lại cho bị hại T.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 máy tính xách tay hiệu Asus thu giữ của bị cáo Huỳnh Thanh S. Xét đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại tài sản trên cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần trách nhiệm dân sự của bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Các vấn đề khác:

Đối với bà Hồ Thoại N là người giới thiệu ông Viên Kiến T hợp tác kinh doanh với bị cáo Huỳnh Thanh S. Quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện bà Nghi là chị họ của bị cáo S, do bị cáo giới thiệu bản thân là Phó khoa Công nghệ thông tin, giảng viên trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh nên bà Nghi tin tưởng giới thiệu bị cáo với ông T để hợp tác kinh doanh, bà Nghi không biết và không tham gia việc bị cáo sử dụng con dấu giả lập hợp đồng rồi chiếm đoạt tiền của các bị hại, bản thân bà Nghi cũng có ký hợp đồng 0503/HDHT ngày 10/4/2018 với bị cáo nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với bà Hồ Thoại N.

Đối với các ông Vũ Văn H, Tiên Quốc T, Lưu Phước V là người cùng góp vốn với bị cáo thành lập pháp nhân Công ty Cổ phần Quốc tế S. Các ông H, T, V đều không có kinh nghiệm, chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mọi hoạt động của doanh nghiệp đều do bị cáo S điều hành. Ông H, T, V không biết việc bị cáo S sử dụng pháp nhân và con dấu công ty lập hợp đồng giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại trong vụ án nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm của các ông H, T, V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh S 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2020.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Viên Kiến T số tiền 13.018.176.315 (mười ba tỷ không trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm mười lăm) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân D số tiền 3.750.000.000 (ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Buộc bà Hồ Thoại N nộp lại số tiền 1.216.825.000 (một tỷ hai trăm mười sáu triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng để trả lại cho bị hại Viên Kiến T.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei 357276097080316 (số imei ở khay sim:...80316, không kiểm tra được imei, tình trạng bên trong do không có nguồn điện, trầy xước màn hình); 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen, có số PPD-ARBSB (hư cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra được model, tình trạng do không có nguồn điện).

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số: NK2022/326 ngày 24/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 124.768.176 (một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn một trăm bảy mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường cho bị hại thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS TP. HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Cơ quan điều tra; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Đường sự; (9)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (27) (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang